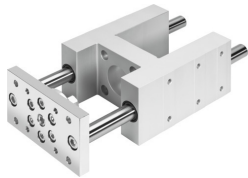


# Dẫn hướng EAGF-V2-KF-80-320

Số bộ phận: 1725848

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                               | Giá trị                       |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Kích thước                                                             | 80                            |
| Hành trình                                                             | 320 mm                        |
| Khe đảo ngược                                                          | 0 µm                          |
| Vị trí lắp đặt                                                         | bất kỳ                        |
| Dẫn hướng                                                              | Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn |
| Cấu trúc xây dựng                                                      | Dẫn hướng                     |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                   | 0 - không ứng suất ăn mòn     |
| Tuân thủ LABS                                                          | VDMA24364-B2-L                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                         | -20 °C...80 °C                |
| Lực tối đa Fy                                                          | 2300 N                        |
| Lực tối đa Fy tĩnh                                                     | 3120 N                        |
| Lực tối đa Fz                                                          | 2300 N                        |
| Lực tối đa Fz tĩnh                                                     | 3120 N                        |
| Thời điểm tối đa Mx                                                    | 170 N m                       |
| Thời điểm tối đa Mx tĩnh                                               | 231 N m                       |
| Max. Moment My                                                         | 191 N m                       |
| Thời điểm tối đa của tải tĩnh                                          | 259 N m                       |
| Mô-men tối đa Mz                                                       | 191 N m                       |
| Mô-men tối đa Mz tĩnh                                                  | 259 N m                       |
| Lực dịch chuyển                                                        | 40 N                          |
| Khối lượng di chuyển                                                   | 7606 g                        |
| trọng lượng sản phẩm                                                   | 12949 g                       |
| Trọng tâm của khối lượng chuyển động với hành trình 0 mm               | 54 mm                         |
| Trọng tâm bổ sung của khối lượng chuyển động trên mỗi hành trình 10 mm | 3.8 mm                        |
| Kiểu gắn                                                               | với ren trong                 |
| Ghi chú vật liệu                                                       | Tuân thủ RoHS                 |
| Vật liệu phần tử dẫn hướng                                             | Thép tôi luyện                |
| Vật liệu vỏ                                                            | Hợp kim nhôm rèn anốt hóa     |
| Vật liệu đầu chạc                                                      | Thép                          |